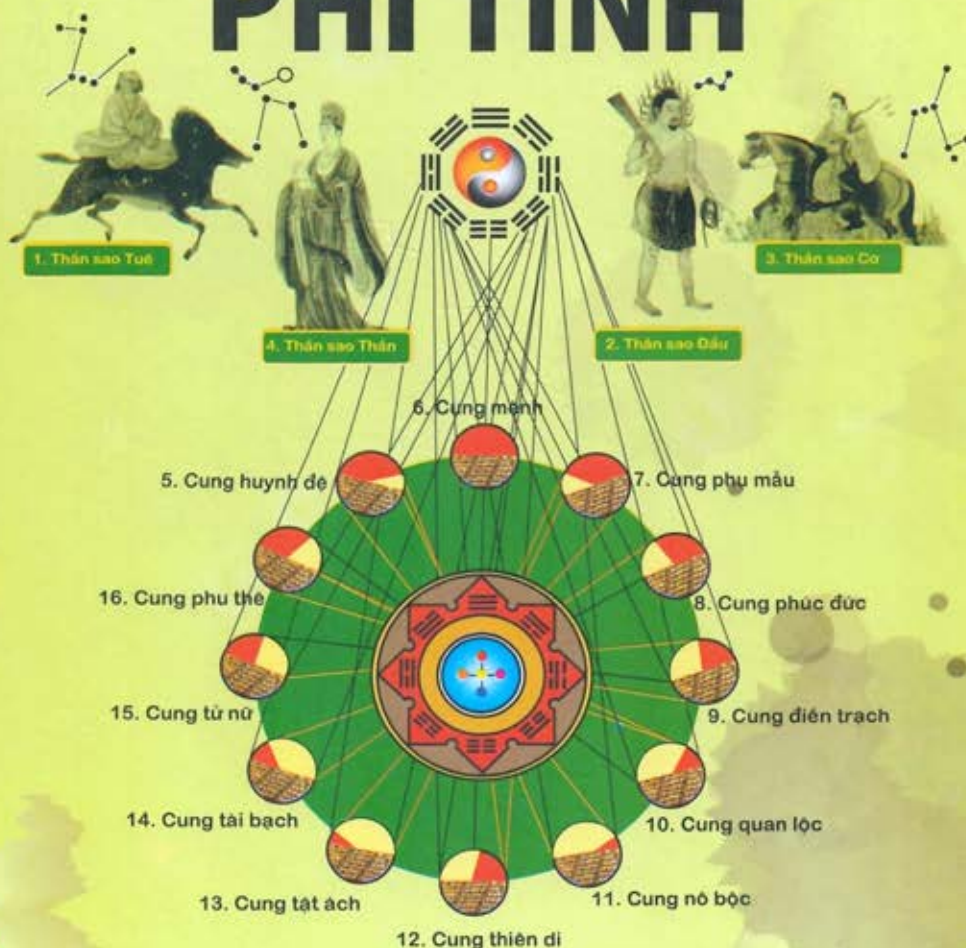


TRẦN ĐOÀN

TỬ VI Đẩu Số PHI TINH

紫微斗數



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TRẦN ĐOÀN
Chu Tước Nhi (dịch)

TỬ VI ĐẤU SỐ PHI TINH



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



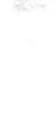
LỜI NÓI ĐẦU

Tử vi đẩu số hay còn gọi là thuật Tử vi. Đây là bộ môn vừa có lịch sử lâu đời và cội nguồn văn hoá sâu xa, sở hữu một hệ thống lá số phong phú, kết hợp chặt chẽ giữa việc suy luận tính chất của các sao trên bầu trời để luận đoán cát hung, họa phúc, thọ yếu của đời người. Điều đặc biệt, tri thức của Tử vi đẩu số dựa trên quan hệ âm dương Ngũ hành, cùng với các hào, quẻ của Chu dịch, thống nhất các tri thức thiên văn, lịch số, địa lý, Đông y làm nền tảng lý luận để đưa ra những luận đoán mệnh lý thiết thực.

Tử vi đẩu số là một chi phái quan trọng nhất trong Mệnh lý học truyền thống Trung Hoa. Bộ môn này sở hữu vũ trụ quan của Đạo giáo, đồng thời cũng đặc biệt đề cao đến môi trường xã hội và quan hệ giữa con người với nhau. Trong Ngũ đại thân số thì Tử vi đẩu số được mệnh danh là thiên hạ đệ nhất thân số. Tử vi đẩu số do Trần Đoàn - một đạo sỹ nổi danh thời Ngũ đại sáng lập ra. Sau đó Tử vi đẩu số phân chia thành hai phái là Tử vi Nam phái và Tử vi Bắc phái. Trong đó, Tử vi Nam phái đặc biệt coi trọng các sao, còn Tử vi Bắc phái lại coi trọng Tứ hoá.

Trần Đoàn (? - 989) là đại sư Đạo giáo cuối thời Ngũ đại, đầu thời Tống, hiệu là Quốc Nam, tự là Phù Dao Tử, người Châu Nguyên - Hào Châu (nay là ấp Lộc - Hà Nam). Không đậu tiến sỹ, ông về ở ẩn trên núi Vũ Đang, vui thú với cảnh điền viên sơn thủy. Vì là người có tiết tháo, lại một lòng vì dân vì nước, nên ông được Tống Thái Tông ban cho hiệu là Tiên sinh Hy Di. Dân gian xưng tụng ông là Trần Đoàn lão tổ. Trần Đoàn là người có kiến thức uyên thâm, tinh thông Dịch học, Dịch lý, huyền cơ sâu xa của vũ trụ, đồng thời chịu ảnh hưởng sâu đậm của tư tưởng Đạo giáo và thuật chiêm tinh Ấn Độ, ông đã soạn ra nhiều trước tác có tầm ảnh hưởng sâu rộng cho đến tận ngày nay.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu tới quý độc giả cuốn sách **Tử vi đẩu số phi tinh**. Hệ thống nội dung của cuốn sách dựa trên việc lý giải 18 phi tinh trong mối quan hệ với cát hung, họa phúc, thọ yếu, sức khoẻ, bệnh tật, hôn nhân, quan hệ lục thân, đường quan lộc của đời người. Thực chất 18 phi tinh có nguồn gốc từ Ngũ tinh, những tên sao chuyên dùng của giới Ngũ tinh như: Thiên thọ, Thiên tài, Thiên quý, Thiên quan, và thêm vào đó là các sao tạp như: Mao đầu, Thiên nhân. 18 phi tinh này vẫn coi Tử vi là chủ tinh, sau đó đến Thiên hư, Thiên quý, Thiên ấn, Thiên thọ, Thiên không, Hồng loan, Thiên khố, Văn xương, Thiên phúc, Thiên lộc, tất cả gồm 11 chính tinh, theo Tử vi mà phân bố khắp 12 cung, mỗi cung 1



chính tinh, không như Tử vi đầu số là có cung có 2 chính tinh và có cung lại không có chính tinh. Thêm vào đó, Tử vi đầu số phi tinh lại thêm Thiên trượng, Thiên di, Mao đầu, Thiên nhân, Thiên hình, Thiên diêu, Thiên khốc tổng cộng là 7 phụ tinh. Theo quy luật cứ 1 cung phân phối 1 chính tinh, 1 phụ tinh dùng làm tiền đề cho việc suy đoán vận mệnh đời người. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng đưa ra ví dụ về các mệnh bàn để bạn đọc tiện theo dõi về tính chất của các phi tinh và vận dụng tự lấy cho mình một lá số để chiêm nghiệm và suy xét.

Chúng tôi hy vọng bạn đọc dùng thái độ biện chứng, khoa học để nghiên cứu Tử vi đầu số hệ phi tinh, chắt lọc cái tinh hoa, bỏ đi cái thô ráp để di sản văn hoá truyền thống phương Đông mãi phát triển rực rỡ.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC





XEM ĐẠO QUẾ, LẬP CÁCH MỆNH

Chương một

LUẬN TÍNH CHẤT CÁT HUNG CỦA CÁC SAO



LUẬN VỀ THỨ TỰ



❶ Định thời khắc. ❷ Khởi bát tự. ❸ Lập cách cục. ❹ Xếp tinh thần. ❺ Lập tọa Mệnh. ❻ Khởi đại vận. ❼ Khởi đại hạn. ❽ Viết hóa diệu. ❾ Viết hỷ kỵ. ❿ Xếp cát hung.

☉ XEM BÁT TỰ MẠNH YẾU

Nhật chủ sinh vượng, hình xung phá hại, tam hợp lục hợp, khai sát hóa khí, khinh trọng nông sâu, tiến thoái, phát thân, mộ, khổ, không, vong.

☉ XEM DỤNG THẦN LẬP CÁCH

Tài quan ấn thực, thương chế thiên chính.
Tỉ kiếp kiêu bại, nhật chủ sở sinh.
Thiên đức Nguyệt đức, Thái tuế, đức tú.
Quý lộc nhãn sát, Lộc Mã hướng bội.
Kim thần Khôi cương, tổng luận củng cách.
Tinh lan đảo xung, phi thiên tạp khí.
Triều dương long cốt, phùng tỵ xu càn, tông khí khú lưu.

☉ XEM KHÔNG QUÝ Ở CUNG MỆNH

Quan tinh thủ Mệnh, Tam phương Tứ chính.
Vận hạn sinh khắc, 12 cung thân sự.
12 cung trường sinh, 12 cung mã tiền sát.
Tọa mộ tọa lộc, thông bàn thấu suốt.

☉ XEM LỤC THÂN NHIỀU HAY ÍT

Ưu liệt cường nhược, tử tuyệt thành bại.
Âm thác dương sai, tính tình tướng mạo.

☉ XEM HÀNH VẬN HƯNG SUY

Sự hưng suy của hành vận có sinh phù, có sa sút, có hợp khắc, có hưởng bồi, có mộ khổ, có bức áp.



☉ XEM SAO CHIẾU THỦ HẠN

Quý bại xung phạm, phản ngâm phục ngâm. Thiên la Địa võng, sát mộ chính chiếu. Họa phúc thăng trầm.

☉ XEM LƯU NIÊN Ở SAO VÀ CUNG

Nhật tuế chinh phạm, cát hung tinh tú, Thái tuế tịnh sát, hình hợp nhật chủ, mệnh vận sinh thương.

☉ XEM ĐẢO HẠN THÂN SÁT

Có cứu trợ, không có cứu trợ, Lộc Mã tận đảo, không có chủ tinh, cát hung của hóa diệu, vận hạn xoay chuyển.

☉ XEM HẠN BẠCH HỔ

Gặp Bạch hổ hóa kỵ thì khó tránh việc nguy hại, như Thủy yếu gặp Hỏa mạnh, ngục tù liên miên, tính mạng gặp nguy khốn, cuộc đời khó có kết cục bình yên.

☉ ĐOÁN ỨNG NGHIỆM CỦA HẠN KỲ NĂM, THÁNG, NGÀY, GIỜ TRONG MỆNH VẬN

Phép suy luận năm sinh

Thập tuế khởi vu Giáp Tuất niên, nhị thập Giáp Tý nghịch lưu tuyên.

Tam thập Giáp Dần cư kỳ vị, tứ thập Giáp Thìn khởi kỳ hành.

Cánh phùng ngũ thập lập Giáp Ngọ, lục thập hoa giáp tại Thân tiên.

Luân chí sở sinh niên phần thượng, thủy tri kỷ tuế khả suy ngôn.

(10 tuổi khởi từ năm Giáp Tuất, 20 tuổi Giáp Tý nghịch trở lại.

30 tuổi Giáp Dần cư đúng vị, 40 tuổi Giáp Thìn khởi tiếp theo.

Gặp được 50 tuổi lập Giáp Ngọ, 60 tuổi Hoa giáp Thân ở đầu.

Chuyển đến năm sinh tại niên phân, mới hay mấy tuổi có thể suy).

Cách xem: Xem năm sinh ở cung nào, tức là lấy Thiên can Giáp Tý cứ thuận thế mà suy ra, đếm can Giáp thì xem ở giờ nào thì lấy Giáp đó. Đếm ngược lại đến chỗ cung giờ sinh tức là gặp được can tuế vậy.



LUẬN VỀ THỜI KHẮC ỨNG NGHIỆM CỦA MỆNH TRẺ NHỎ



Tý, Ngọ, Mão, Dậu hướng phụ sinh, nhân vật tiểu xảo đỉnh trung bình.

Dần, Thân, Ty, Hợi song đỉnh định, bán thiên hướng phụ thể trung đình.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi hoàn thiên đỉnh, bối sinh vu phụ hệ phi nhân.

Định thời khắc

Bán dạ Tý khắc kê minh Sửu, bình đán Dần thời nhật xuất Mão.



*Thực thời Thìn hệ thuộc trung Ty, Ngọ nhật trung Mùi nhật trắc miếu.
Hoàng thổ Tuất hệ thủy thuộc Hợi, bộ thời Thân hệ nhật nhập Dậu.*

☉ XẾP LƯU NIÊN

Thái tuế bức hung mà nhập cục.

Nam Kha một giắc mộng ngàn thu.

Lưu niên hội sát trong năm ấy.

Khúc ca tùy hứng kiêu thắm sương.

① Thái tuế (hung). ② Thái dương (cát). ③ Tang môn (hung). ④ Thái âm (cát). ⑤ Quan phù (cát). ⑥ Tử phù (hung). ⑦ Tuế phá (hung). ⑧ Long đức (cát). ⑨ Bạch hổ (hung). ⑩ Phúc tinh (cát). ⑪ Điều khách (hung). ⑫ Bệnh phù (hung).

TY	NGO	MÙI	THÂN
Thiên khố (dương Thổ) Thiên trượng (dương Mộc)	Hồng loan (âm Kim) Thiên điều (dương Mộc)	Thiên không	Thiên thọ (dương Thổ)
THÌN			DẬU
Thiên quý (âm Thổ) Thiên dị (âm Thổ)			Bát tòa Thiên ấn (dương Thổ) Long tri
MÃO			TUẤT
Vân xương (dương Thủy) Phượng các (âm Hỏa)			Thiên quý (âm Thổ)
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Thiên hình (âm Hỏa) Thiên phúc (dương Thổ)	Thiên lộc (dương Thủy)	Tử vi (dương Mộc)	Thiên hư (âm Mộc)



TRẦN

ĐOÀN



TỬ

VI

DẬU

SỐ

PHI

TINH





TRẦN

ĐOÀN



TỬ

VI

ĐÁU

SỎ

PHI

TINH



TY	NGO	MÙI	THÂN
Tử vi (miếu) Thiên khố (miếu) Thiên nhân (miếu) Thiên phúc (lạc) Thiên quý (vượng)	Thiên khố (miếu) Thiên hư (miếu) Thiên dị (miếu) Thiên quý (lạc) Thiên hình (lạc) Văn xương (vượng) Thiên nhân (vượng)	Thiên quý (miếu) Thiên dị (miếu) Thiên khố (lạc) Thiên trượng (vượng) Mao đầu (vượng)	Thiên lộc (miếu) Thiên khốc (miếu) Hóa quyền (miếu) Tử vi (lạc) Thiên quý (vượng) Hóa kỵ (vượng)
THIN	HÌNH MIẾU, VƯỢNG, LẠC		ĐÁU
Thiên quý (miếu) Hồng loan (lạc) Thiên ấn (vượng) Thiên dị (vượng)			Tử vi (miếu) Thiên hình (lạc) Thiên thọ (vượng)
MÃO			TUẤT
Thiên quý (miếu) Hồng loan (lạc) Thiên quý (lạc) Thiên ấn (vượng) Thiên khốc (vượng)			Văn xương (miếu) Thiên điều (miếu) Thiên hình (miếu) Thiên phúc (vượng) Mao đầu (vượng)
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Mao đầu (miếu) Thiên nhân (miếu) Thiên dị (miếu) Thiên hình (miếu) Hồng loan (lạc) Thiên quý (vượng) Thiên lộc (vượng)	Thiên khốc (miếu) Hồng loan (miếu) Thiên không (vượng)	Thiên trượng (miếu) Thiên ấn (miếu) Mao đầu (miếu) Tử vi (lạc)	Hồng loan (miếu) Tử vi (lạc) Thiên ấn (lạc) Thiên điều (lạc) Thiên quý (vượng) Thiên khố (vượng)